**V. PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG GIAI ĐOẠN 5 NĂM 2021-2025**

Văn kiện Đại hội XIII trong lĩnh vực kinh tế được thể hiện chủ yếu ở ba báo cáo: Báo cáo chính trị; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021- 2030 và Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Nhìn chung, về lĩnh vực kinh tế, cả ba văn kiện có nhiều điểm mới, nổi bật cả về nội dung và cách trình bày. Có thể khái quát những nội dung mới được thể hiện trong những phần sau: về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa; về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và về hội nhập kinh tế quốc tế.

**1. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển đất nước nhanh và bền vững**

Kết quả thực hiện Đại hội XII cho thấy, nền kinh tế nước ta đã đạt được những thành tựu rất quan trọng, kinh tế chuyển biến tích cực, toàn diện trên nhiều lĩnh vực. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng được tập trung thực hiện và bước đầu đạt những kết quả quan trọng. Tuy nhiên, Báo cáo chính trị Đại hội XIII cũng chỉ rõ hạn chế *"Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn chậm, chưa tạo được chuyển biến căn bản về mô hình tăng trưởng, năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao[[1]](#footnote-2).* Vì vậy, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, phát triển nhanh và bền vững đất nước là yêu cầu hết sức quan trọng cho giai đoạn tiếp theo.

Điểm mới của Văn kiện Đại hội XIII so với Văn kiện Đại hội XII được thể hiện ngay ở tiêu đề đã có bổ sung thành tố "phát triển nhanh và bền vững đất nước". Ngay trong mục tiêu tổng quát của Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 đã nêu rõ: "Bảo đảm tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo"[[2]](#footnote-3). Rõ ràng, phát triển nhanh và bền vững là yêu cầu khách quan của đất nước trong bối cảnh hiện nay vì trên thực tế mặc dù chúng ta đã đạt được tốc độ tăng trưởng khá cao nhưng điểm xuất phát của chúng ta còn khá thấp, khoảng cách phát triển so với các nước còn cách xa. Mặt khác, trong bối cảnh mới hiện nay các điều kiện, cơ hội cho phát triển nhanh và bền vững trong bối cảnh mới đã có, vấn đề là tận dụng các cơ hội đó như thế nào trong giai đoạn tới. Để thực hiện nội dung này, Văn kiện Đại hội XIII có những nội dung mới nổi bật như sau:

**a. *Đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh***

Vấn đề đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế là nội dung lớn, chính thức được đề ra từ Đại hội XI. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 xác định nội dung của đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế như sau: "Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững. Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, trọng tâm là cơ cấu lại các ngành sản xuất, dịch vụ phù hợp với các vùng; thúc đẩy cơ cấu lại doanh nghiệp và điều chỉnh chiến lược thị trường; tăng nhanh giá trị nội địa, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và của cả nền kinh tế, phát triển kinh tế tri thức. Gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh"[[3]](#footnote-4). Đại hội XII tiếp tục đề ra nhiệm vụ cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, cụ thể: "Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại đồng bộ, tổng thể nền kinh tế và các ngành, các lĩnh vực gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tập trung vào các lĩnh vực quan trọng: cơ cấu lại đầu tư với trọng tâm là đầu tư công; cơ cấu lại thị trường tài chính với trọng tâm là hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính, từng bước cơ cấu lại ngân sách nhà nước; cơ cấu lại và giải quyết có kết quả vấn đề nợ xấu, bảo đảm an toàn nợ công; cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước với trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước; cơ cấu lại nông nghiệp..."[[4]](#footnote-5).

Như vậy, có thể thấy vấn đề đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế là vấn đề lớn, quan trọng đã được nhất quán trong chủ trương, đường lối của Đảng từ Đại hội XI đến nay và có sự nhất quán, gắn kết giữa hai quá trình này và phạm vi cơ cấu lại đã mở rộng từ chủ yếu tập trung vào ba lĩnh vực đã mở rộng ra toàn bộ nền kinh tế.

Văn kiện Đại hội XIII tiếp tục đề cập đến nội dung trên, nhưng nhấn mạnh mô hình tăng trưởng mới cần tận dụng tốt cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, dựa trên tiến bộ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, cụ thể: *"Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế,* chuyển mạnh nền kinh tế sang mô hình tăng trưởng dựa trên tăng năng suất, tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhân lực chất lượng cao, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực để nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, phát triển các ngành, lĩnh vực, các doanh nghiệp trên nền tảng ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu của khoa học và công nghệ, nhất là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, sản phẩm công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu"[[5]](#footnote-6).

Điểm mới, được nhấn mạnh ở đây là mô hình tăng trưởng mới dựa trên tiến bộ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Điều này do, *thứ nhất,* nền kinh tế của chúng ta phát triển theo chiều rộng đã tới hạn, cần đẩy mạnh phát triển theo chiều sâu; *thứ hai,* trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, việc tận dụng cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là hết sức quan trọng, có tính quyết định tạo ra sự phát triển nhanh và bền vững cho đất nước. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị khóa XII cũng đã nhấn mạnh cần phải chủ động và tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và Chính phủ cũng đã có chương trình hành động để thực hiện Nghị quyết này. Trong các chỉ tiêu cụ thể của nền kinh tế cần đạt tới cho giai đoạn 2021-2025 cũng đã xác định cụ thể kinh tế số chiếm 20%, đến năm 2030 kinh tế số chiếm khoảng 30% trong nền kinh tế. Văn kiện cũng nhấn mạnh yêu cầu cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, phát triển các ngành, lĩnh vực, các doanh nghiệp trên nền tảng ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu của khoa học công nghệ, nhất là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, sản phẩm công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

Vấn đề cơ cấu lại nền kinh tế, Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh: *"Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế.* Cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả đầu tư, nhất là đầu tư công. Cơ cấu lại, phát triển lành mạnh các loại thị trường, nhất là thị trường các yếu tố sản xuất để huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực"[[6]](#footnote-7). Ở đây, cần chú ý cơ cấu lại thị trường bất động sản, đất đai, tài nguyên để đất đai, tài nguyên được sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả cao. Cơ cấu lại các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ theo hướng tập trung phát triển các lĩnh vực, các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế công nghệ cao, giá trị gia tăng cao, sức cạnh tranh cao trong hội nhập kinh tế quốc tế. Đặc biệt, Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh đến cơ cấu lại hệ thống doanh nghiệp nói chung để phát triển lực lượng doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh, tăng cường gắn kết giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước. Đây cũng chính là để khắc phục điểm yếu trong nhiều năm qua là sự thiếu gắn kết giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nên chưa tạo ra được sự chuyển giao công nghệ, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp trong nước. Phát triển khu vực kinh tế tư nhân của người Việt Nam để thực sự trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế cũng là điểm nhấn trong Văn kiện Đại hội XIII. Văn kiện Đại hội XIII nêu rõ: "Xoá bỏ mọi rào cản, định kiến, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tư nhân; hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động. Khuyến khích hình thành phát triển những tập đoàn kinh tế tư nhân lớn, tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh khu vực, quốc tế. Phấn đấu đến năm 2030, có ít nhất 2 triệu doanh nghiệp với tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GDP đạt 60-65%"[[7]](#footnote-8).

Ngoài ra, điểm mới của Văn kiện Đại hội XIII là nội dung cơ cấu lại kinh tế vùng, đổi mới thể chế liên kết giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng, phát huy vai trò các vùng kinh tế động lực, quan tâm phát triển các vùng còn khó khăn, thu hẹp chênh lệch phát triển giữa các vùng.

***b. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa*, *hiện đại hóa trên nền tảng của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo***

Trong văn kiện của các Đại hội Đảng gần đây, nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa đều được xác định là nội dung quan trọng nhằm thực hiện quá trình công nghiệp hóa rút ngắn để sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Các nội dung được đề cập khá toàn diện và cụ thể như tiêu chí, nội dung và cách thức thực hiện. Văn kiện Đại hội XIII kế thừa những nội dung trên nhưng nhấn mạnh những nội dung cốt lõi cần thực hiện cho giai đoạn tới phù hợp với điều kiện, bối cảnh trong nước và quốc tế, nhất là tận dụng tiến bộ khoa học và công nghệ nói chung, thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư nói riêng. Trước hết, Văn kiện Đại hội XIII đề cập tới việc điều chỉnh bổ sung, nâng cao chất lượng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển nền kinh tế, các ngành, lĩnh vực, các vùng phù hợp với thực tiễn đất nước và trình độ phát triển khoa học công nghệ hiện đại trên thế giới. Đẩy mạnh nghiên cứu chuyển giao, ứng dụng, phát triển, làm chủ công nghệ hiện đại; phát triển một số sản phẩm chủ lực có thương hiệu mạnh, có uy tín trong khu vực và thế giới. Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực của đất nước, tạo cơ sở đấy mạnh phát triển kinh tế số. Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 nhấn mạnh: "Đẩy mạnh phát triển một số ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế và còn dư địa lớn để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực, thế giới"[[8]](#footnote-9).

Điểm mới trong nội dung này thể hiện rất rõ công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, tận dụng tốt cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để có sự bứt phá, vượt lên trong một số ngành và lĩnh vực. Đồng thời, xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh chú trọng cả những ngành công nghiệp nền tảng và những ngành mới, công nghệ cao quyết định sự bứt phá về năng suất, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế. "Xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh. Cơ cấu lại công nghiệp, nâng cao trình độ công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi sang công nghệ số, tập trung phát triển những ngành công nghiệp nền tảng, nhất là công nghiệp cơ khí, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, nâng cao tính tự chủ của nền kinh tế, có khả năng tham gia sâu, có hiệu quả vào các chuỗi giá trị toàn cầu. Ưu tiên phát triển những ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh kết hợp phục vụ dân sinh. Dựa trên công nghệ mới, hiện đại để phát triển các ngành công nghiệp vẫn còn có lợi thế (chế biến nông sản, dệt may, da giày...), tạo nhiều việc làm, sản xuất hàng xuất khẩu, đóng góp lớn vào giá trị gia tăng quốc gia. Bố trí lại công nghiệp trên các địa bàn lãnh thổ hợp lý hơn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu công nghệ cao, khu kinh tế, khu công nghiệp"[[9]](#footnote-10). Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 còn nêu rõ mục tiêu phấn đấu nâng tỷ trọng công nghiệp trong GDP vào năm 2030 đạt trên 40%; giá trị gia tăng công nghiệp chế biến, chế tạo bình quân đầu người đạt trên 2.000 USD, năm 2020 giá trị gia tăng công nghiệp chế biến, chế tạo bình quân đầu người đạt trên 900 USD[[10]](#footnote-11).

Tiếp tục thực hiện chủ trương cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh. Điểm mới nổi bật là xác định mối quan hệ giữa nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh bằng các biện pháp cụ thể như cơ chế, chính sách phát triển, ưu tiên khoa học và công nghệ, gắn nông nghiệp với công nghiệp và thị trường...

Về phát triển khu vực dịch vụ, Văn kiện Đại hội XII chú trọng đẩy mạnh phát triển khu vực dịch vụ theo hướng hiện đại, đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn các khu vực sản xuất và cao hơn tốc độ tăng trưởng của cả nền kinh tế. Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh: "Phát triển mạnh khu vực dịch vụ dựa trên nền tảng ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại, nhất là các dịch vụ có giá trị gia tăng cao"[[11]](#footnote-12). Văn kiện cũng nêu rõ một số loại dịch vụ cần tập trung ưu tiên phát triển như: du lịch, thương mại, viễn thông, công nghệ thông tin, vận tải, logistics, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ tư vấn pháp lý,... Hiện đại hóa và mở rộng các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, dịch vụ y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, dịch vụ văn hóa thể thao, dịch vụ thương mại,... Tổ chức cung ứng dịch vụ chuyên nghiệp, văn minh, hiện đại theo chuẩn mực quốc tế.

Về phát triển kinh tế biển, Văn kiện Đại hội XII khi đề cập nội dung này chủ yếu nhấn mạnh phát triển mạnh kinh tế biển nhằm tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia và bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp dầu khí, đánh bắt xa bờ, hậu cần nghề cá...Văn kiện Đại hội XIII đề cập nội dung này một cách tổng thể, trong đó chú ý phát triển kinh tế biển gắn với an ninh, quốc phòng, phát triển kinh tế gắn với môi trường và phòng, chống thiên tai; phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế và đô thị ven biển. Cụ thể, Văn kiện nêu rõ: "Thực hiện tốt Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển, kết hợp chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo, tài nguyên, môi trường biển; phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo. Tổ chức tốt việc xây dựng và quản lý thống nhất quy hoạch không gian biển quốc gia, hoàn thiện cơ chế quản lý tổng hợp và chuyên ngành về biển, đảo. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật trên biển, bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Đẩy mạnh phát triển và nâng cao hiệu quả các ngành kinh tế biển, các khu kinh tế, khu công nghiệp và các đô thị ven biển. Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực cho kinh tế biển, nhất là nhân lực chất lượng cao. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, điều tra tài nguyên, môi trường biển; xây dựng cơ sở dữ liệu số về biển, đảo, nâng cao năng lực giám sát môi trường biển, dự báo thiên tai, biến đổi khí hậu vùng biển, ven biển"[[12]](#footnote-13).

Về nội dung phát triển đô thị, Văn kiện Đại hội XIII đề cập gọn hơn, tập trung vào hoàn thiện thể chế phát triển đô thị và kinh tế đô thị, nhấn mạnh xây dựng đô thị văn minh, thông minh phù hợp với văn hóa vùng, miền. Văn kiện nêu rõ: "Xây dựng chiến lược, hoàn thiện thể chế phát triển đô thị và kinh tế đô thị làm động lực phát triển từng vùng và địa phương; tăng cường quản lý đô thị, phát triển các đô thị vệ tinh, hạn chế xu hướng tập trung quá mức vào các đô thị lớn. Xây dựng đô thị hiện đại, văn minh, đô thị thông minh, đa dạng về loại hình, có bản sắc đặc trưng về kiến trúc, văn hóa ở từng địa phương"[[13]](#footnote-14).

Rõ ràng, quá trình đô thị hóa của nước ta trong giai đoạn tới sẽ diễn ra mạnh mẽ, đây cũng là dư địa cho phát triển nhanh trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy nhiên, như trong Văn kiện Đại hội XIII đã nêu rõ, quá trình này hiện nay cần phải được nhìn nhận một cách tổng thể, hệ thống, đặc biệt chú ý đến tính tổng thể về quy hoạch, áp dụng công nghệ hiện đại để xây dựng đô thị văn minh, sinh thái.

Xây dựng kết cấu hạ tầng được khẳng định là nội dung rất quan trọng trong lĩnh vực kinh tế. Đây được xác định là một trong ba đột phá chiến lược, đến nay nội dung này vẫn còn nguyên ý nghĩa. Tuy nhiên, trong thời gian tới cần tập trung vào những trọng tâm mới để giải quyết được những vấn đề còn tồn tại đến nay và đáp ứng yêu cầu phát triển mới.

Văn kiện Đại hội XIII nêu rõ: "Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đột phá chiến lược về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với một số công trình hiện đại. Tập trung ưu tiên đầu tư, sớm đưa vào sử dụng các công trình, cụm công trình, dự án hạ tầng trọng điểm về giao thông đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không kết nối các vùng, khu vực, các trung tâm trong nước và quốc tế"[[14]](#footnote-15). Trong Báo cáo chiến lược nhấn mạnh tập trung phát triển mạng lưới đường bộ cao tốc, đầu tư, nâng cấp các cảng hàng không, đặc biệt là cảng hàng không trọng điểm. Mục tiêu đến năm 2030 cả nước có khoảng 5.000 km đường bộ cao tốc, trong đó đến năm 2025 hoàn thành đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía đông. Phát triển hạ tầng năng lượng, nhất là năng lượng tái tạo, bảo đảm cung cấp đủ, ổn định năng lượng cho nền kinh tế và sinh hoạt xã hội. Thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, vấn đề phát triển năng lượng đòi hỏi vừa bảo đảm an ninh năng lượng nhưng đồng thời chú trọng phát triển năng lượng sạch, thân thiện với môi trường, phát triển công nghệ mới, tận dụng tốt nhất tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên của đất nước*.* Phát triển hạ tầng thủy lợi, hồ đê, đập, nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, bão lũ, tập trung cao hơn các nguồn lực cho thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng đồng bộ, hiện đại hạ tầng đô thị, nhất là các đô thị lớn. Đặc biệt, Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh đến phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, tạo ra sự phát triển đột phá trong lĩnh vực này. Đây chính là cơ hội để tạo sự chuyển biến căn bản, hiệu quả sản xuất trong việc tận dụng cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại. Tạo bứt phá trong phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, xây dựng, kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia, v.v..Xây dựng cơ chế đẩy mạnh huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội, đa dạng hóa hình thức đầu tư cho các lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 nêu rõ: "Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin; hình thành hệ thống trung tâm dữ liệu quốc gia, các trung tâm dữ liệu vùng và địa phương kết nối đồng bộ và thống nhất. Phát triển hạ tầng số đạt trình độ tiên tiến của khu vực ASEAN; internet băng thông rộng phủ 100% các xã. Xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật an toàn, an ninh thông tin"[[15]](#footnote-16).

Về phát triển kinh tế vùng, liên vùng, Văn kiện Đại hội XII chú trọng các khía cạnh thống nhất quản lý tổng hợp chiến lược, quy hoạch phát triển, đổi mới cơ chế phân cấp giữa Trung ương và địa phương, xây dựng một số đặc khu kinh tế để tạo cực tăng trưởng và thử nghiệm thể chế phát triển vùng có tính đột phá. Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh đến nâng cao chất lượng quy hoạch vùng; đổi mới, hoàn thiện thể chế quản lý vùng có hiệu quả, phát huy tốt nhất tiềm năng, lợi thế của từng vùng, tăng cường liên kết giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng. Sáp nhập hợp lý một số đơn vị hành chính cấp xã, huyện, phù hợp với điều kiện, yêu cầu phát triển mới. Đổi mới cơ chế phân cấp, phân quyền, ủy quyền gắn với phân định và nâng cao trách nhiệm của Trung ương và địa phương.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021- 2030 nhấn mạnh: "Xây dựng quy hoạch, tổ chức không gian lãnh thổ quốc gia một cách hợp lý, phát huy tốt nhất các lợi thế đặc thù của mỗi vùng, địa phương và tăng cường tính liên kết nội vùng và liên vùng để tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu, tạo không gian phát triển mới"[[16]](#footnote-17). Đồng thời, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 cũng chỉ rõ lợi thế cần tập trung phát triển cho từng vùng như: vùng trung du và miền núi phía Bắc, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, vùng Tây Nguyên, vùng Đông Nam Bộ và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Như vậy, vấn đề phát triển vùng và liên kết vùng được Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh khía cạnh quy hoạch để vừa bảo đảm tốt không gian phát triển chung của đất nước, vừa phát huy tốt nhất tiềm năng, lợi thế so sánh của mỗi vùng trong mối liên kết, phối hợp chung giữa các vùng.

**2. Tiếp tục hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa**

Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được bắt đầu ngay từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, tuy nhiên đây là vấn đề rường cột trong nội dung đổi mới và rất phức tạp, đòi hỏi sự đổi mới trong nhiều lĩnh vực. Vì vậy, trong nhiều nhiệm kỳ Đại hội vấn đề này luôn được coi là một nội dung trọng tâm, cần phải được quán triệt cả về nhận thức và hành động. Đại hội VI mở đầu công cuộc đổi mới, đã đưa ra quan điểm về phát triển kinh tế thị trường. Đại hội đưa ra đường lối phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, trên cơ sở củng cố thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa và sử dụng mọi khả năng của các thành phần kinh tế khác, khẳng định cơ cấu kinh tế nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội VII tiếp tục khẳng định: "Cơ chế vận hành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa là *cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước* bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác"[[17]](#footnote-18). Đại hội VIII tiếp tục khẳng định: "phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Đồng thời Văn kiện Đại hội VIII cũng nhấn mạnh đến một số yếu tố cụ thể như đổi mới kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác xã, thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, v.v..Đại hội IX xác định: nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đó là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội X nêu rõ phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đại hội XI xác định hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một trong ba đột phá chiến lược để phát triển đất nước. Văn kiện Đại hội XI cũng chỉ rõ nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là vừa theo quy luật thị trường vừa được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội. Trong phương hướng, mục tiêu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đại hội XII tiếp tục thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và làm rõ, đầy đủ hơn nội hàm của nó.

Kế thừa và phát triển nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa qua các kỳ Đại hội Đảng từ khi đổi mới đến nay, Báo cáo chính trị Đại hội XIII đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XII nêu rõ: "Nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng đầy đủ hơn. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách tiếp tục được hoàn thiện phù hợp với yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường từng bước phát triển đồng bộ, gắn với thị trường khu vực và thế giới. Nhiều rào cản tham gia thị trường được dỡ bỏ; môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện rõ rệt, khởi nghiệp sáng tạo và phát triển doanh nghiệp khá sôi động. Doanh nghiệp nhà nước từng bước được sắp xếp, tổ chức lại có hiệu quả hơn; kinh tế tư nhân ngày càng khẳng định là một động lực quan trọng của nền kinh tế, kinh tế tập thể từng bước đổi mới gắn với cơ chế thị trường; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển nhanh, là bộ phận quan trọng của nền kinh tế nước ta"[[18]](#footnote-19).

Tuy nhiên, Văn kiện Đại hội XIII khẳng định: "Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều vướng mắc, bất cập. Năng lực xây dựng thể chế còn hạn chế, chất lượng luật pháp và chính sách trên một số lĩnh vực còn thấp. Môi trường đầu tư kinh doanh chưa thực sự thông thoáng, minh bạch. Chưa tạo được đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển. Thể chế phát triển, điều phối kinh tế vùng chưa được quan tâm và chậm được cụ thể hóa bằng pháp luật nên liên kết vùng còn lỏng lẻo"[[19]](#footnote-20).

Vì vậy, hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong những năm tới cần tập trung vào:

***a. Thống nhất và nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa***

Kế thừa những nội dung về hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong Văn kiện Đại hội XII, Báo cáo chính trị Đại hội XIII nhấn mạnh cần phải tiếp tục thống nhất và nâng cao nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời nêu rõ nội hàm của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa như sau: "Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó: kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố, phát triển; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội"[[20]](#footnote-21).

Như vậy, điểm mới của Văn kiện Đại hội XIII ở nội dung này thể hiện là ngay từ đầu Văn kiện đã nêu rõ nội hàm của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta và trên cơ sở đó nhấn mạnh những nội dung quan trọng của nội hàm này, để từ đó thống nhất cách hiểu và thực hiện.

Kinh tế nhà nước được khẳng định là công cụ, lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng, điều tiết, dẫn dắt thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, khắc phục các khuyết tật của cơ chế thị trường. Đây là chức năng quan trọng của kinh tế nhà nước, đồng thời cũng là điểm đặc trưng khác biệt, tiến bộ của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác, các hợp tác xã, tổ hợp tác có vai trò cung cấp dịch vụ cho các thành viên; liên kết, phối hợp sản xuất kinh doanh, bảo vệ lợi ích và tạo điều kiện để các thành viên nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững. Tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, hình thành các hiệp hội, liên hiệp hợp tác xã.

Kinh tế tư nhân được khẳng định là một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế và được khuyến khích phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm, nhất là trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, dịch vụ được hỗ trợ thành các công ty, tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, có sức cạnh tranh cao. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận quan trọng của kinh tế quốc dân, có vai trò lớn trong huy động nguồn vốn đầu tư, công nghệ, phương thức quản lý hiện đại, mở rộng thị trường xuất khẩu.

Đồng thời, Văn kiện Đại hội XIII cũng nêu rõ mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Điểm mới nổi bật chính là trong mối quan hệ này bổ sung thêm nhân tố xã hội. Trong đó cũng nêu rõ vai trò của Nhà nước, thị trường và xã hội trong mối quan hệ chung. Nhà nước thực hiện chức năng xây dựng và quản lý thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách, phân bổ nguồn lực phát triển theo cơ chế thị trường. Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý nhà nước về kinh tế theo hướng chuyển giao những công việc Nhà nước không nhất thiết phải làm cho các tổ chức xã hội, chuyển đổi cung cấp trực tiếp dịch vụ công sang phương thức đặt hàng. Các tổ chức xã hội có vai trò tạo sự liên kết, phối hợp hoạt động, giải quyết những vấn đề phát sinh giữa các thành viên; đại diện và bảo vệ lợi ích của các thành viên trong quan hệ với các chủ thể, đối tác khác; cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho các thành viên; phản ánh nguyện vọng, lợi ích của các tầng lớp nhân dân với Nhà nước và tham gia phản biện luật pháp, cơ chế, chính sách của Nhà nước, giám sát các cơ quan và đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước trong việc thực thi pháp luật.

***b. Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn***

Điểm mới nổi bật ở đây là việc xác định hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường nói chung, nhưng tập trung vào *tháo gỡ những điểm nghẽn* đang cản trở sự phát triển kinh tế thị trường của nước ta và *nâng cao chất lượng thể chế.* Cụ thể là hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; nâng cao chất lượng, hiệu quả quản trị quốc gia, xây dựng và thực thi pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch. Trong quá trình chuyển sang kinh tế thị trường vừa qua đã xác định một trong những cản trở chính là hệ thống pháp luật còn chưa hoàn thiện, chồng chéo, ảnh hưởng đến phát triển nói chung. Đồng thời, trước yêu cầu phát triển mới, đặc biệt tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhiều ngành nghề mới ra đời cần phải có môi trường pháp lý bảo đảm cho sự phát triển. Vì vậy, Văn kiện Đại hội XIII nêu rõ: "Xây dựng khung khổ pháp luật, môi trường thuận lợi thúc đẩy phát triển, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, hỗ trợ, khuyến khích sự ra đời, hoạt động của những lĩnh vực mới, mô hình kinh doanh mới. Tập trung sửa đổi những quy định mâu thuẫn, chồng chéo, cản trở phát triển kinh tế. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền, ủy quyền gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm cá nhân và nâng cao trách nhiệm phối hợp giữa các cấp, các ngành"[[21]](#footnote-22). Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính một cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, cải thiện nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch. Phấn đấu đến năm 2030 môi trường kinh doanh của Việt Nam được xếp vào nhóm 30 quốc gia hàng đầu.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế, phát triển đầy đủ, đồng bộ các yếu tố thị trường, các loại thị trường. Tuy nội dung này đã được nêu trong các văn kiện Đại hội trước, Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh việc thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường đối với hàng hóa, dịch vụ, kể cả các dịch vụ công cơ bản, phân biệt rõ phúc lợi, ưu đãi hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đồng thời, tiếp tục nhấn mạnh phát triển thị trường các yếu tố sản xuất để thị trường đóng vai trò quyết định trong huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực; phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ theo các phương thức tổ chức, giao dịch văn minh, hiện đại, thương mại điện tử; phát triển mạnh thị trường khoa học và công nghệ, phát triển đồng bộ, nâng cao thị trường tài chính, tiền tệ, thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm,... trên nền tảng công nghệ số với kết cấu hạ tầng, công nghệ và phương thức giao dịch hiện đại. Văn kiện Đại hội XIII xác định yêu cầu phát triển và quản lý chặt chẽ thị trường bất động sản; thị trường quyền sử dụng đất; phát triển thị trường lao động linh hoạt gắn với cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội; phát huy vai trò của các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp tham gia hình thành và điều tiết các quan hệ kinh tế thị trường; xử lý tốt những bất cập của cơ chế thị trường, bảo đảm phúc lợi và an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái,...

Tiếp tục hoàn thiện thể chế, thúc đẩy phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp nhà nước, nhiệm vụ trọng tâm là đẩy nhanh việc xử lý nợ, thoái vốn, cổ phần hóa, cơ cấu lại doanh nghiệp; thúc đẩy đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, áp dụng chế độ quản trị doanh nghiệp hiện đại. Đồng thời, kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động của doanh nghiệp không để thất thoát, lãng phí vốn, tài sản nhà nước. Nhà nước có chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển các mô hình kinh tế hợp tác, các hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế hộ, trang trại trong nông nghiệp. Hoàn thiện cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, coi kinh tế tư nhân là một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế. Phát triển doanh nghiệp tư nhân Việt Nam lớn mạnh, nâng cao trình độ công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, mở động thị trường, cải thiện thu nhập, điều kiện làm việc của người lao động, và tham gia các hoạt động xã hội, bảo vệ môi trường, thực hiện các trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả các dự án đối tác công - tư trong lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng. Ưu tiên những dự án đầu tư nước ngoài có trình độ công nghệ cao, sẵn sàng chuyển giao công nghệ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong nước phát triển, tham gia có hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Như vậy, Văn kiện Đại hội XIII đề cập nội dung này rất chú ý đến thể chế: việc hoàn thiện thể chế để tháo gỡ các điểm nghẽn, các rào cản của kinh tế thị trường như thể chế xây dựng và hoàn thiện pháp luật, thể chế hình thành thị trường các yếu tố thị trường, các loại thị trường, thể chế thúc đẩy phát triển doanh nghiệp... Mục tiêu quan trọng là nâng cao chất lượng của thể chế.

***c. Xây dựng nền kinh tếđộc lập, tự chủ; nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế***

Điểm mới, nổi bật ở nội dung này là xác định rõ mối quan hệ biện chứng giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế. Phải nâng cao năng lực nội tại mới có thể hội nhập thành công, tránh lệ thuộc vào một đối tác, một thị trường. Văn kiện Đại hội XIII xác định rõ: "Giữ vững độc lập, tự chủ trong việc xác định chủ trương, đường lối, chiến lược phát triển kinh tế đất nước. Phát triển doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh trở thành nòng cốt của kinh tế đất nước; giữ vững các cân đối lớn, chú trọng bảo đảm an ninh kinh tế, không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia.

Đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế quốc tế, tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác. Nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế trước tác động tiêu cực từ những biến động của bên ngoài; chủ động hoàn thiện hệ thống phòng vệ để bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế. Thực hiện nhiều hình thức hội nhập kinh tế quốc tế với các lộ trình linh hoạt, phù hợp với điều kiện, mục tiêu của đất nước trong từng giai đoạn. Hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với những điều ước quốc tế và cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ am hiểu sâu về luật pháp quốc tế, thương mại, đầu tư quốc tế, có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế, trước hết là cán bộ trực tiếp làm công tác hội nhập kinh tế quốc tế, giải quyết tranh chấp quốc tế"[[22]](#footnote-23)*.*

Trong những năm vừa qua Việt Nam đã hội nhập hết sức sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Độ mở của nền kinh tế nước ta hiện vào loại cao nhất của thế giới với tỷ trọng xuất - nhập khẩu trên GDP là hơn 200%. Việt Nam đã tham gia vào hầu hết các hiệp định đa phương thế hệ mới, cụ thể Việt Nam đã tham gia Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do với Liên minh châu Âu (EU), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) và mới đây là Hiệp định thương mại tự do với Vương quốc Anh. Để tham gia vào các hiệp định này Việt Nam đã có những hoàn thiện căn bản hệ thống pháp luật theo yêu cầu, chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Thực tiễn 35 năm đổi mới đã khẳng định mở cửa hội nhập quốc tế đã góp phần quan trọng vào những thành tựu to lớn mà đất nước đã đạt được. Đồng thời, chính mở cửa, hội nhập quốc tế sâu rộng đã tạo ra áp lực để chúng ta cải cách thành công. Tuy nhiên, quá trình đổi mới hội nhập quốc tế cũng cho thấy cần phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế. Đặc biệt, qua các cuộc khủng hoảng, hoặc những biến động của thế giới cho thấy, để hội nhập thành công phải có nội lực mạnh, đồng thời phải đa phương hóa, đa dạng hóa các đối tác, các thị trường để tránh những rủi ro và lệ thuộc. Kinh nghiệm thu hút đầu tư nước ngoài cũng cho thấy cần phải nhận thức sâu sắc, hiệu quả của thu hút đầu tư, nhất là giai đoạn hiện nay, phải bảo đảm thu hút được công nghệ cao, công nghệ sạch và làm tốt việc chuyển giao công nghệ cũng như gắn kết giữa doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp nước ngoài.

Tóm lại, những điểm mới trong Văn kiện Đại hội XIII về lĩnh vực kinh tế được thể hiện từ nhận thức đến nội dung chính sách ở cả nội dung đánh giá tình hình, xác định những nội dung chính sách cho giai đoạn tới. Trong đó, tập trung chủ yếu vào nội dung đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển đất nước nhanh và bền vững; hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế. Nội dung mới nổi bật được thể hiện trong việc nhìn nhận, đánh giá kết quả thực hiện trong các nhiệm kỳ Đại hội vừa qua, trên cơ sở bối cảnh mới, yêu cầu mới phát triển đất nước trong giai đoạn tới đã làm rõ phương hướng, mục tiêu và chính sách phát triển cụ thể trong từng nội dung nêu trên để đạt mục tiêu phát triển chung của đất nước cho giai đoạn đến năm 2025, năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.80. [↑](#footnote-ref-2)
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đã biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.2, tr.93. [↑](#footnote-ref-3)
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.107. [↑](#footnote-ref-4)
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.88-89. [↑](#footnote-ref-5)
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.120-121. [↑](#footnote-ref-6)
6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Sđd. t.l, tr.121. [↑](#footnote-ref-7)
7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.l, tr.240. [↑](#footnote-ref-8)
8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.l, tr.235. [↑](#footnote-ref-9)
9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.123-124. [↑](#footnote-ref-10)
10. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.243-244. [↑](#footnote-ref-11)
11. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.l, tr.125. [↑](#footnote-ref-12)
12. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, t.l,* tr. 125-126, 126. [↑](#footnote-ref-13)
13. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, t.l,* tr. 125-126, 126. [↑](#footnote-ref-14)
14. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.l, tr.126-127. [↑](#footnote-ref-15)
15. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.2, t.123. [↑](#footnote-ref-16)
16. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.l, tr.251. [↑](#footnote-ref-17)
17. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.51, tr.95. [↑](#footnote-ref-18)
18. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.59-60. [↑](#footnote-ref-19)
19. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.l, tr.80. [↑](#footnote-ref-20)
20. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.l, tr.128-129. [↑](#footnote-ref-21)
21. Đảng Cộng sản Việt Nam; *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, t.l,* tr.132. [↑](#footnote-ref-22)
22. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.l, tr.135-136. [↑](#footnote-ref-23)